



Tư tưởng duy tâm trong kinh Lăng Già

ISSN: 2734-9195

21:39 29/04/2024

Duy tâm trong nghĩa này còn được gọi là tâm nhất cảnh tính (ekāgratā), vô tướng, vô phân biệt, viên thành thật tính, vô sinh, tính không...

Lăng già gọi trạng thái này là duy tâm (cittamātra), đó là trạng thái của bình yên và sáng suốt, cội nguồn của giải thoát và tuệ giác. Duy tâm trong nghĩa này còn được gọi là tâm nhất cảnh tính (ekāgratā), vô tướng, vô phân biệt, viên thành thật tính, vô sinh, tính không, Như Lai tạng.

Tác giả: **Thích Nguyên Sĩ Tăng** sinh Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM, Khóa XV, Khoa Phật Học Sanskrit

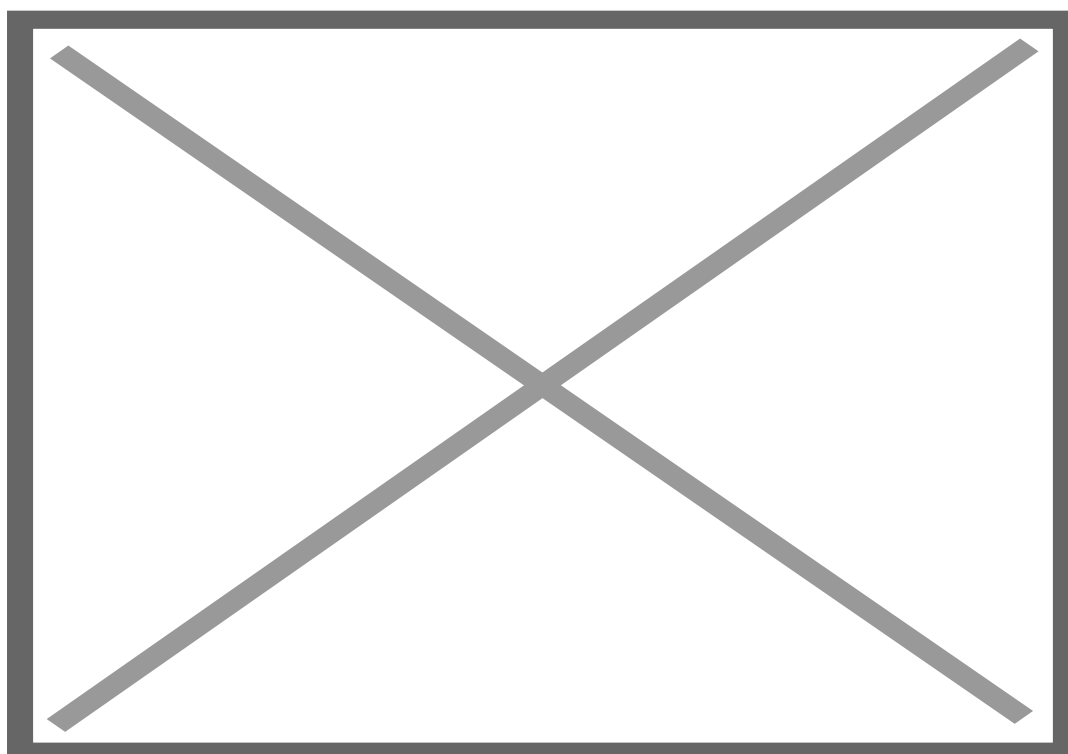
1. Dẫn nhập

Laṅkāvatārasūtra (kinh Nhập Lăng-già) hay Saddharma-laṅkāvatārasūtra (Kinh Chính Pháp Nhập Lăng-già). Theo ấn bản Kinh Laṅkāvatārasūtra, cuối chương 10 (10-sagāthakam), biên tập bởi Nanjō Bunyū (Laṅkāvatāra sūtra, kyoto, 1923) được ghi chép như sau: Nanjō. 375: ityāryasaddharmalaṅkāvatāro nāma mahāyānasūtram sagāthakam samāptamiti || Kết thúc chương chỉnh cú của bản Kinh Đại Thừa tên là Thể Nhập Chánh Pháp Lankā.[1]

Tư tưởng cốt lõi của Kinh Lăng-già chính là đạo lý duy tâm (cittamātra), toàn bộ nội dung của bản Kinh tập trung vào việc giải thích ý nghĩa của tâm và duy tâm, đồng thời trình bày và phê phán mọi vấn đề của Phật giáo và ngoài Phật giáo dưới ánh sáng của tư tưởng này. Kinh vận dụng nguyên lý duyên khởi để xem xét các vấn đề trong cuộc sống của thế gian và xuất thế gian, qua hệ thống nhận thức gọi là tâm-ý-thức (cittamanovijñāna).

Đây là giáo lý căn bản của trường phái Du-già (yogācāravāda) thể hiện qua năm yếu tố của nhận thức gồm danh (nāma), tướng (nimitta), biến kế (saṃkalpa), chính trí (samyajjñāna), và chân như (tathatā).

Kinh Lăng-già một mặt xác định vai trò của nhận thức trong việc hiển thị thông tin về đời sống con người, cũng như duy trì và tiếp diễn dòng tương tục của đời sống ấy qua những hoạt động của nó. Mặt khác, Kinh cũng cho thấy khả năng tích cực của nhận thức trong việc tự chuyển hóa mình, tùy thuận với chân như, tức tính viển ly danh tướng do nó biểu hiện, bản chất tuyệt đối của mọi pháp duyên khởi, để thể hiện đời sống giải thoát, đem lại an lạc vĩnh viễn, và lợi ích thánh thiện cho mình và người.



2. Nội dung

Giáo lý về duy tâm đúng ra sẽ có hai nội dung chính gồm: Tâm là gì, và duy tâm là thế nào. Trong phân tâm là gì, sẽ gồm chức năng vận hành, trạng thái vận hành, và lãnh vực vận hành của tám thức. Tuy nhiên vì giới hạn cho phép, người viết chỉ lược khảo về thuật ngữ duy tâm, và khảo sát về ý nghĩa của duy tâm (cittamātra) dưới hai phương diện: thường nghiệm và siêu nghiệm.

2.1. Thuật ngữ Duy Tâm

Cứ theo nội dung của Kinh, duy tâm (cittamātra) là từ viết tắt của hợp tính từ bahuvrīhi “duy tự tâm sở kiến (svacittadṛṣyamātra)” nghĩa là, “chỉ là những cái

được tự tâm nhìn thấy” hay “chỉ là những cái được biểu hiện trong tự tâm”. Khi hợp này ở ngữ cảnh của danh từ, nó có nghĩa là “cái mà giới hạn của nó chỉ là những cái được biểu hiện trong tự tâm”, hoặc “hay sự thể chỉ là cái được biểu hiện trong tự tâm”.

Trong đó ta thấy rằng tự tâm (svacitta) chỉ cho hệ thống nhận thức của mỗi người, gồm ba trạng thái chuyển tướng (pravṛttilakṣaṇa), nghiệp tướng (karmalakṣaṇa), và chân tướng (jatilakṣaṇa); với hai chức năng gồm hiện thức (khyātivijñāna) và phân biệt sự thức (vastuprativikalpavijñāna).

Định nghĩa này cho thấy tâm không phải là một tự thể cá biệt (svabhāva), một bản nguyên (prakṛti), linh hồn (pudgala) hay bản ngã (ātman) sinh ra mọi pháp như những người theo thuyết duy tâm tuyệt đối (absolute idealism) đã nhào nặn và tưởng tượng ra.

2.2. Phương diện thường nghiệm

Tâm là một hệ thống phản ánh thông tin về mọi sự vật tiếp nhận, mà nó còn sử dụng thông tin ấy để tái hiện hình ảnh của sự vật qua nguyên lý duyên khởi.

Những gì biểu hiện ở trong tâm đó là danh (nāma) và tướng (nimitta); vikalpa hoạt động gồm tâm và tâm sở (cấu trúc nhận thức), sẽ khởi lên danh và tướng, y tha khởi (paratantra-svabhāva) hoạt động sẽ cho ra ấn tượng về sự vật; bộ ba căn-cảnh-thức (trisamgati) tạo ra xúc (sparśa) nó sẽ phát sinh ra nhận thức (tưởng) cùng với tâm lý (thọ) của con người, tức là tướng được kí hiệu bằng một tên gọi (danh).

Cấu trúc nhận thức (vikalpa) cho chúng ta biết danh, tướng và sự vật; danh và tướng đó do hệ thống căn-cảnh-thức biểu hiện ra và chính chúng không phải là sự vật.

Vì vậy, những gì được chúng ta gọi là nhận biết chỉ là thông tin biểu hiện ở trong tâm, hệ thống nhận thức này là sự tập hợp của duyên khởi được biểu hiện ra bằng hai tướng gọi là sở tướng (lakṣya-tướng phân) và năng tướng (lakṣaṇa/vikalpa-kiến phần). Trong đó, những gì được nhận biết gọi là sở tướng, và chủ thể nhận biết đối tượng là năng tướng. Ấn tượng về hai phần này chỉ cho đối tượng và chủ thể nhận thức còn riêng về sự vật thì bản thân nó không có hai phần này.

Đức Phật xác định rằng, kiến thức về tồn tại không phải chính bản thân nó tồn tại, tất cả những gì con người nhận biết về tồn tại như một hiện hữu cá biệt (svabhāva) cùng hình tướng và tính chất của nó (lakṣaṇa), chúng chỉ là những

ấn tượng tồn tại ảnh hiện trong hệ thống nhận thức, đó là những kiến thức đều do tự tâm biểu hiện.

Như vậy, về mặt nhận thức, những gì con người ghi nhận về mọi sự vật, chúng chỉ là những thông tin kiến thức về các sự vật ấy, chứ không phải chính bản thân sự vật. Lăng-già xác định ý nghĩa này qua định cú svacittadṛśyamātrāḥ sarvadharmāḥ (mọi pháp chỉ là cái được tự tâm biểu hiện) và nó chỉ là tâm.

N.62: svacittadṛśyagocarānabhiññā bāhyacittadṛśyagocarābhiniviṣṭāḥ | te saṃsāragaticakre punar mahāmate caṃkramyante || punar aparaṃ mahāmate anutpannān sarvadharmānatītānāgatapratyutpannās tathāgatā bhāṣante | tat kasya hetoḥ? yaduta svacittadṛśyabhāvābhāvāt sadasator utpattivirahitatvān mahāmate anutpannāḥ sarvabhāvāḥ |

“Tham đắm cái ngoại cảnh mà vốn là cảnh giới hiện trong tự tâm, này Đại Huệ! họ lại lẫn lóc trong vòng quay của những lối mòn sinh tử. Tham đắm cái ngoại cảnh mà vốn là cảnh giới hiện trong tự tâm. Này Đại Huệ! họ lại lẫn lóc trong vòng quay của những lối mòn sinh tử. Lại nữa, Đại Huệ!

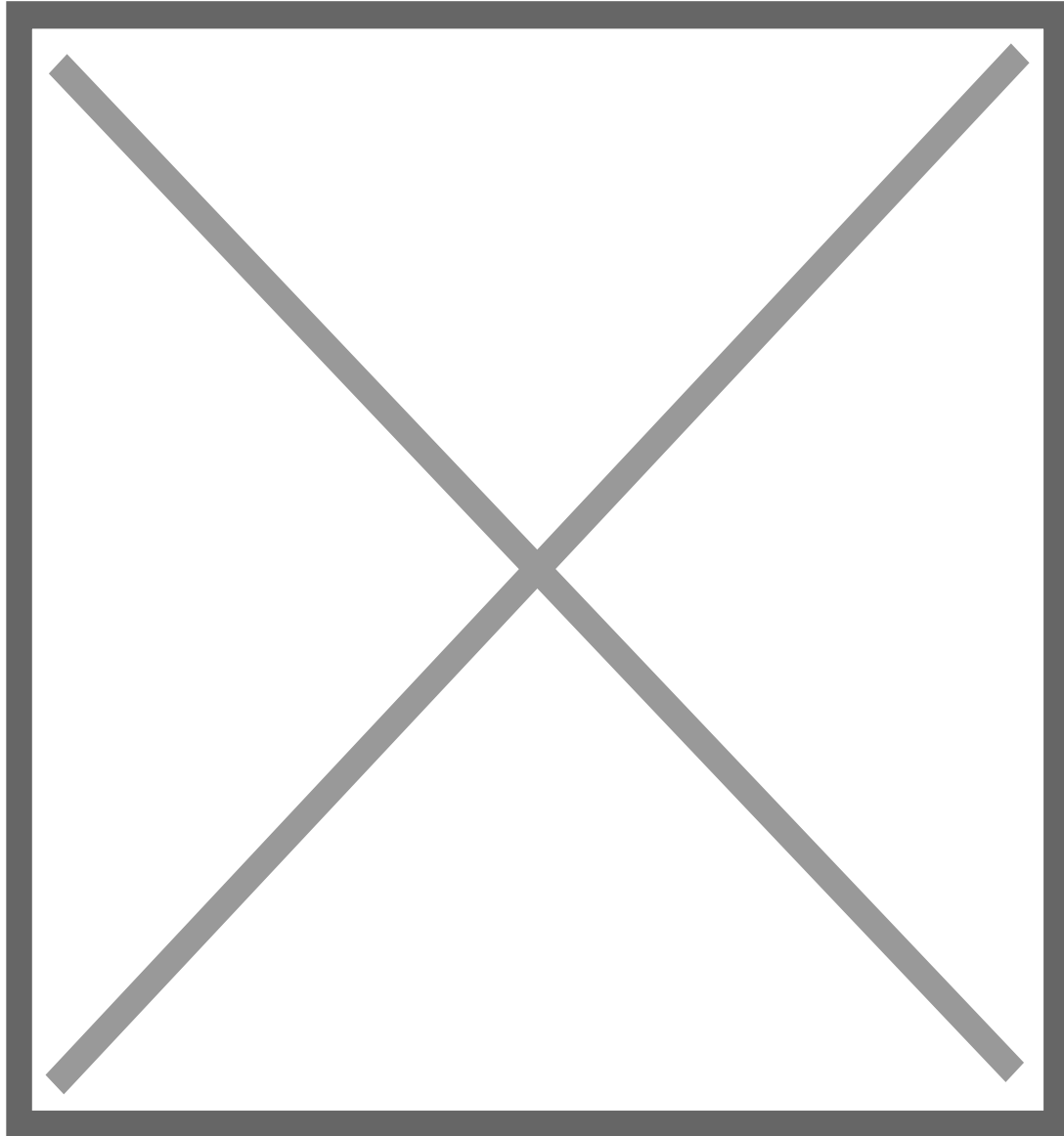
Chư vị Như lai trong quá khứ hiện tại và vị lai đều nói hết thấy mọi pháp là vô sinh. Tại sao? này Đại Huệ, đó là vì, không có một thể tồn tại nào của những cái do tự tâm biểu hiện, không có một sự phát sinh nào từ có hoặc không, nên hết thấy mọi pháp đều vô sinh.”[2]

N.112: kṛdṛṣṭilakṣaṇapatitāśayānām svacittadṛśyamātrānavadhāriṇām hetupratyayakriyotpattilakṣaṇābhiniviṣṭhānām nivāraṇārthaṃ māyāsvapnasvabhāvalakṣaṇān sarvadharmān deśayāmi | ete bālapṛthagjanāḥ kuḍṛṣṭilakṣaṇāśayābhiniviṣṭā ātmānaṃ paraṃ ca sarvadharmā yathābhūtāvasthānadarśanādvisaṃvādayiṣyanti | tatra yathābhūtāvasthānadarśanaṃ mahāmate sarvadharmānām yaduta svacittadṛśyamātrāvatāraḥ ||

“Có tâm trí bị đọa lạc trong các hình thức ác kiến, không hiểu chúng chỉ là những sở kiến hiện trong tự tâm, mà chỉ cho họ thấy hình tướng tự tính của hết thấy các pháp đều như huyễn mộng, để họ xa lìa những hình tướng tự tính của sự vật, ngăn chặn họ tham đắm các hình tướng hoạt động và sinh khởi của nhân duyên. Những kẻ phàm phu này một khi tâm trí tham đắm thiết kế các hình tướng bằng ác kiến, họ sẽ vì không thấy được trạng thái chân thật của hết thấy các pháp mà tự lừa dối mình và người khác.

Ở đây, này Đại Huệ! thấy được trạng thái chân thật của hết thảy các pháp tức là hiểu rằng chúng chỉ là những sở kiến hiện trong tự tâm.”[3]

Về mặt tái hiện, những hoạt động của tâm khi bị thúc đẩy bởi khát vọng hạnh phúc và sinh tồn theo một ngã kiến do mặt-na thủ trước, chúng sẽ chuyển biến các dữ liệu được lưu trữ trong a-lại-da thành một định mệnh và đường đi của con người. Cuộc đời là một mô hình do tâm tái hiện, ý nghĩa này được Lăng-già mô tả qua cú nghĩa tribhavacittamātra (ba cõi chỉ là tâm).



**N.208. mama tu mahāmate na nityā nānityā | tat kasya hetoḥ? yaduta
bāhyabhāvānabhyupagamātribhavacittamātropadeśādvicītralakṣaṇānupadeśa
na pravartate na nivartate mahābhūtasamṇiveśaviśeṣaḥ | na
bhūtabhautikatvādvikālpasya dvidhā pravartate
grāhyagrāhakālakṣaṇatā | vikālpasya pravṛttidvayaparijñānād
bāhyabhāvābhāvadr̥ṣṭivigamāt svacittamātrāvabodhādvikalpo (N.209)
vikalpābhisamṣkāreṇa pravartate nānabhisamṣkurvataḥ |**

“Này Đại Huệ, đối với Như lai, các pháp chẳng phải thường hay vô thường. Tại sao? Vì rằng Như Lai không nắm bắt ngoại cảnh, Như lai dạy ba cõi chỉ là tự tâm, không dạy các thứ hình tướng sai biệt, nên sự sai biệt giữa các hiện tượng của các đại chúng không khởi lên, không biến mất, sự nhận biết rằng chủ thể và đối tượng của cấu trúc nhận thức không khởi lên theo hai phân từ tính chất đại chúng và các sản phẩm do đại chúng tạo ra.

Nhờ hiểu rõ hiểu rõ hai phân biểu hiện ấy của cấu trúc nhận thức, nhờ viễn ly cái thấy có không đối với ngoại cảnh, và nhờ giác ngộ trạng thái chỉ là tự tâm, nên cấu trúc nhận thức phát khởi bằng chủ ý cấu trúc, chứ không phải do vô ý.”[4]

Tùy theo ý chấp thủ ấn tượng sắc hoặc thọ nào là tự ngã của mình, khối năng lượng tới hạn, được tích lũy trong hệ thống nhận thức qua hoạt động, nó chuyển hiện thành định mệnh tương ứng trong các con đường; và các con đường này thường gọi là ba cõi, sáu đường hay chín hữu.

Kinh Lăng-già mô tả sự chuyển hiện này là tâm hiện thành thân thể tài sản và trú xứ, không những thế, bằng năng lực tái hiện kiến thức, tâm tiếp tục tái hiện những cảnh đời được định hướng bởi sự chấp thủ kiến thức về tự ngã của nó, trong dòng lưu chuyển bất tận của vòng quay sinh tử. Nghĩa này được xác định qua định cú dehabhogapratīṣṭhānam cittamātram (thân thể, tài sản, và trú xứ chỉ là tâm).

**62: |dehabhogapratīṣṭhāgatisvabhāvalakṣaṇam mahāmate
ālayavijñānam grāhyagrāhakalakṣaṇena pravartamānam bālā
utpādashthitibhaṅgadṛṣṭidvayapatitāsayā utpādam sarvabhāvānam
sadasator vikalpayanti |**

“Đại Huệ! Thân thể tài sản và trú xứ chính là tự thể và hình tướng ở trong các cõi, hiện hành bởi hình tướng năng thủ và sở thủ của thức A-lại-da. Nhưng các phàm phu, những kẻ có đầu óc bị đọa lạc vào hai mặt của các quan điểm về sinh trú diệt, họ cho nó là sự phát sinh từ tính có hoặc không của tất cả các pháp.”[5]

N.70.

**samāropāpavādo hi cittamātre na vidyate | dehabhogapratīṣṭhābham
ye cittam nābhijānate | samāropāpavādeṣu te caranty avipaścitaḥ ||
2.135 ||**

“ở trong duy tâm

không hề có sự

áp đặt, bác bỏ.

Những ai mù quáng

không hiểu rõ tâm

là cái hiển hiện

thân thể tài sản,

cũng như trú xứ

họ đi lạc vào

cái sự áp đặt

hoặc sự bác bỏ.”//135//[6]

Tham chiếu Triṃśikā-v.2b,3.19 of Vasubandhu:

tatrālayākhyam vijñānam vipākāḥ sarvabījakam || 2 ||

asaṃviditakopādisthānavijñaptikam ca tat |

sadā sparśamanaskāravitsañjñācetanānvitam || 3 ||

karmaṇo vāsanā grāhadvayavāsanayā saha |

kṣīṇe pūrvavipāke ’nyadvipākam janayanti tat || 19 ||

(□□) □□□□ [5]□ Taisho 31-no1586.

□□□□ □□□□ (p_60b4, kệ 2b)

□□□□ □□□□ □□□□ □□□□ (p_60b5-6, kệ 3)

□□□□ □□□□ □□□□ □□□□ (p_61a10-11, kệ 19)

Trong đó, dị thực là thức có tên là a-lại-da, nhất thiết chủng (cái chứa hạt giống của tất cả) (2b). Và nó là cái có tiềm năng tiếp nhận và duy trì không thể biết, và liễu biệt xứ không thể biết. Thường tương ưng với xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư (3). Khi dị thực trước diệt mất thì các tập khí của nghiệp cùng với nhị thủ tập khí khiến sinh ra dị thực khác đó (19).

2.3. Phương diện siêu nghiệm

Lăng-già cho thấy, tâm vốn là pháp duyên sinh mà bản chất thực sự của nó luôn luôn viễn ly mọi ấn tượng, ngôn ngữ và tâm sở mà nó biểu hiện. Nếu tùy thuận với sự thật này, con người không nhận lầm thông tin là sự vật, biết năng tướng và sở tướng chỉ là hình ảnh do tự tâm biểu hiện. Nơi đây họ không vướng mắc, không chấp thủ chúng, họ vượt qua mọi tâm hành và ngôn ngữ (ngôn ngữ đạo đoạn-tâm hành xứ diệt), để thể nhập vào trạng thái chân thật của tâm.

Lăng già gọi trạng thái này là duy tâm (cittamātra), đó là trạng thái của bình yên và sáng suốt, cội nguồn của giải thoát và tuệ giác. Duy tâm trong nghĩa này còn được gọi là tâm nhất cảnh tính (ekāgratā), vô tướng, vô phân biệt, viên thành thật tính, vô sinh, tính không, Như Lai tạng. Nó là trạng thái vô tướng, vắng lặng và sáng suốt của tâm, nền tảng cho đời sống giải thoát. Tự thân thể nhập trạng thái chân thật này là siêu thoát khỏi dòng sinh tử của thế gian, chứng nghiệm niết bàn, phát huy tuệ giác, và từ bi.

**N.88: |punar aparāṃ mahāmate svacittadṛśyamātrānusāritvād
vividhavicitralakṣaṇabāhyabhāvābhāvād vāgvikalpaḥ paramārthaṃ na
vikalpayati |tasmāt tarhi mahāmate vāgvicitravikalparahitena te
bhavitavyam ||**

“Lại nữa Đại Huệ, vì đệ nhất nghĩa là trạng thái chân thật của các pháp chỉ do tự tâm biểu hiện, trạng thái không có đủ thứ hình tướng sai biệt được xem là những thực thể tồn tại ngoài tâm, nên ngôn ngữ và tư duy không mô tả được đệ nhất nghĩa. Do đó, Đại Huệ! ông nên viễn ly ngôn ngữ và đủ thức tư duy sai biệt.”[7]

N.169: katham hy abhāvo bhāvanāṃ kurute samatāṃ katham || 3.56 ||

yadā cittam na jānāti bāhyamādhyātmikaṃ calam |

tadā tu kurute nāsaṃ samatācittadarśanam || 3.57 ||

**punar api mahāmatir āha| yatpunaridamuktaṃ yadā
tvālambyamarthaṃ nopalabhate jñānaṃ tadā
vijñaptimātravyavasthānaṃ bhavati| vijñapter grahyābhāvād
grāhakasya apy agrahaṇaṃ bhavati |**

Trạng thái bình đẳng (56)?

Khi nào tự tâm

Không còn nhận thấy

sự xao động nào

trong tâm ngoài cảnh,

bấy giờ nó sẽ

biến sự lắng diệt

trở thành trạng thái

của sự bình đẳng

nội tâm biểu hiện. (57)

Bồ tát Đại Huệ lại hỏi: Đức Thế tôn đã dạy điều này: “Khi trí không nắm bắt đối tượng sở duyên thì nó an trú trong duy thức, vì không có sở thủ của thức nên năng thủ không còn nắm bắt.”[8]

Tham chiếu Triṃsikā-v. 28

**yadā lambanam vijñānam naivopalabhate tadā | sthitam
vijñānamātratre grāhyābhāve tadagrahāt || 28 ||**

() [5] Taisho 31-no1586_61b14-15.

Chỉ khi nào trí không nắm bắt sở duyên, bấy giờ nó trụ trong duy thức tánh, trạng thái không tồn tại sở thủ, vì không còn nhận thức sai lầm về nó. (28)

Đoạn: “yadā tvālambyamarthaṃ nopalabhate jñānam tadā vijñaptimātravyavasthānaṃ bhavati vijñapter grahyābhāvād grāhakasya apy agrahaṇam bhavati” của Lăng-già rất giống tụng triṃsikā 28 Vasubandhu không những về ý nghĩa mà còn cả cách dùng từ.

**170: bhagavān āha| na hi tan mahāmate evamajñānam bhavati
| jñānam eva tan mahāmate, nājñānam | na caitatsaṃdhāyoktaṃ
mayā| yadā tvālambyamarthaṃ nopalabhate jñānam tadā
vijñaptimātravyavasthānaṃ bhavatīti | kim tu
svacittadṛśyamātrābodbhāt sadasator bāhyabhāvābhāvājñānam apy
arthaṃ nopalabhate | tadanupalambhājñānajñeyayor apravṛttiḥ
| vimokṣatrayānugamāj jñānasyāpyanupalabdhiḥ|**

“Đức Thế tôn dạy: Đại Huệ: Cái trí như Như lai đã nói hẳn không thể là sự vô tri. Nó chính là trí tuệ chứ không phải sự vô tri. Như lai không có ẩn ý gì khi nói điều này: “Khi trí không nắm bắt đối tượng sở duyên thì nó an trú trong duy thức”.

Nhưng vì biết rõ đối tượng sở duyên chỉ là sở kiến hiện trong tự tâm, vì không hề có sự thể ấy ở bên ngoài, nên trí cũng không nắm bắt đối tượng cho là có hay không. Nhờ không vin vào nó, nên năng tri và sở tri không phát khởi. Nhờ tùy thuận với ba giải thoát, nên trí tuệ không có sự nắm bắt.”[9]

Tham chiếu Triṃsikā-v. 29

acitto ’nupalambho ’sau jñānaṃ lokottaraṃ ca tat | āśrayasya parāvṛttir dvidhā daṣṭhulyahānitaḥ || 29 ||

(□□) □□□□ [5]□ Taisho 31-no1586_61b18-19.

□□□□ □□□□ □□□□ □□□□

Điều này là vô tâm, vô đắc và đó là trí xuất thế gian. Nhờ xả bỏ hai thứ thô trọng, nên có sự chuyển y. (29)

Trên mặt siêu nghiệm thể nhập chân tướng (jātilakṣaṇā) của thức, Lãng-già gọi đây là chuyển y (āśrayaparavṛitti), tức là chuyển trạng thái thác loạn của tâm bị ô nhiễm bởi chướng ngại phiền não, và sở tri chướng, trở về trạng thái trong sáng chân thật của nó. Nhân tố để khởi động quá trình này chính là mặt-na, tùy thuận chân tướng của tâm, nó không nắm bắt ấn tượng sở duyên hiện trong tự tâm như là thực thể cá biệt tồn tại ngoài tâm.

Bấy giờ, cả năng tướng và sở tướng không còn tồn tại, mặt-na hiện chứng trạng thái vô tướng của tâm, và được gọi là vô phân biệt trí (nirvikalpajñāna), hay bình đẳng tính trí (samatājñāna). Nhờ năng lực tịnh hóa và sự định hướng chân thật của vô phân biệt trí, các tập khí ô nhiễm thuộc nhận thức (sở tri) và tâm lý (phiền não) được lưu trữ từ vô thủy bị loại bỏ, tâm an trú trong trạng thái chân thật của nó mà phát huy trí lực hiển thị ảnh tượng như huyễn của mọi pháp, trên con đường thực hành Bồ-tát hạnh để đạt đến quả vị Phật.

N.42: |mahākaruṇopāyakauśalyānābhogagatena mahāmate prayogena sarvasattvamāyāpratibimbamatayā anārabdhapratyayatayā adhyātma bāhyaviśayavimuktatayā cittabāhyādarśanatayā animittādhiṣṭhānānugatā anupūrveṇa bhūmikramasamādhiviśayānugamanatayā traidhātukasvacittatayā adhimuktitaḥ prativibhāvayamānā māyopamasamādhim pratilabhante |

“Đại Huệ! Khi công hạnh đạt đến mức tự nhiên nhờ thành thạo các phương tiện của đại bi, họ tùy thuận với sự an trú trong vô tướng, bằng trạng thái xem chúng sinh như huyễn, như ảnh, không nắm bắt các duyên, trạng thái thấy

ngoại cảnh là tự tâm, thanh thoát với các sự kiện ở trong cũng như ngoài tâm, rồi dần dần thấu hiểu một cách xác tín ba cõi chỉ là tự tâm, bằng cách thuận hành cảnh giới thiện định cảnh giới trong từng cấp bậc của các quả vị Bồ-tát và đạt được chính định như huyền." [10]

3. Lời kết

Đạo lý duy tâm như được trình bày ở trên cho thấy, Lão-già không xem tâm là một nguyên tố vật chất hay tinh thần tạo ra vũ trụ, tùy theo ý chấp thủ ấn tượng sắc hoặc thọ nào là tự ngã của mình, khối năng lượng được tích lũy trong hệ thống nhận thức qua hoạt động của nó, chuyển hiện thành định mệnh tương ứng trong các con đường đường tương ứng gọi là ba cõi, sáu đường hay chín hữu.

Lăng già mô tả sự chuyển hiện này là tâm hiện thành thân thể tài sản và trú xứ, không những thế, bằng năng lực tái hiện kiến thức, tâm tiếp tục tái hiện những cảnh đời được định hướng bởi sự chấp thủ kiến thức về tự ngã của nó trong dòng lưu chuyển bất tận của sinh tử. Tùy theo cách thức con người xử lý những gì mà hệ thống nhận thức đã ghi nhận, thì nó sẽ biểu hiện và tác thành đời sống như thể đó.

Hiểu về duy tâm một cách tổng quát như vậy, chúng ta sẽ nhận ra pháp âm của đức Phật thuyết trong Kinh Phạm Võng (Brahmajālasutta)-Trường A-hàm (Pl. Dighnikāya), hay trong Pháp Cú, vọng về rất rõ trong Laṅkāvatārasūtra. Brahmajālasutta: **"Tayidaṃ, bhikkhave, tathagato pajānāti - ime diṭṭhiṭṭhānā evaṃgahitā evaṃparāmaṭṭhā evaṃ gatikā bhavanti evaṃ abhisamparāyā'ti ...**

Này các tỳ-kheo! Như Lai biết điều này: Những quan điểm này khi được chấp nhận như vậy, được thủ trước như vậy, chúng sẽ trở thành đường đi như vậy, định mệnh như vậy.../[11]

Tác giả: **Thích Nguyên Sĩ** Tăng sinh Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM,
khóa XV, Khoa Phật Học Sanskrit ***

Thư mục tham khảo:

1. The Laṅkāvatārasūtra, edited by Bunyiu Nanjio, 1923, Kyoto (大正十三年, 大正十三年, 大正十三年 . v. 1).
2. Saddharma-laṅkāvatārasūtra, edited by P.L. Vaidya. -- Mithila Institute of PostGraduate Studies and Research in Sanskrit Learning, 1963. -- (Buddhist Sanskrit texts; no. 3).

[11] Bản dịch Hòa Thượng Minh Châu, trang 26-VNCPH ấn hành, 2012 (36. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy."